

Bản án số: 69/2022/DS-ST

Ngày 12 - 5 - 2022

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp Tân A, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị K, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Tân A, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Tân A, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn K. Địa chỉ: Ấp Tân A, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Kim H trình bày:

Bà là chủ hui có mở 03 dây hui, ông T, bà K có vô mỗi dây 04 chung, tổng cộng 12 chung cụ thể:

Dây 01: Mở ngày 10/11/2017 âm lịch, loại hui 01 triệu, có 42 chung, ông T, bà K vô 04 chung, dây hui này đã mãn cụ thể:

Chung 01: Hốt ngày 10/11/2017 âm lịch, chết 01 chung, sống 41 chung, bỏ

bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng lại đến ngày 20/7/2020 âm lịch được 32 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 20/8/2020 âm lịch đến 20/4/2021 âm lịch là 09 kỳ = 9.000.000 đồng.

Chung 2: Hốt ngày 10/01/2018 âm lịch, giao ngày 20/01/2018; chết 03 chung, sống 39 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng lại đến ngày 20/7/2020 âm lịch được 30 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 20/8/2020 âm lịch đến 20/4/2021 âm lịch 09 kỳ = 9.000.000 đồng.

Chung 3: Hốt ngày 10/3/2018 âm lịch, giao ngày 20/3/2018; chết 05 chung, sống 37 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng lại đến ngày 20/7/2020 âm lịch được 28 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 20/8/2020 âm lịch đến 20/4/2021 âm lịch 09 kỳ = 9.000.000 đồng.

Chung 4: Hốt ngày 10/5/2018 âm lịch, giao ngày 20/5/2018 âm lịch; chết 07 chung, sống 35 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng lại đến ngày 20/7/2020 âm lịch được 26 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 20/8/2020 âm lịch đến 20/4/2021 âm lịch 09 chung = 9.000.000 đồng.

Số tiền bà K, ông T thiếu ở đây 1 là $9.000.000 \text{ đồng} \times 4 = 36.000.000 \text{ đồng}$.

Dây 2: Mở ngày 15/10/2018 âm lịch, loại hụi 01 triệu, có 40 chung, ông T, bà K có vô 04 chung; dây hụi này đã mãn cụ thể:

Chung 1: Hốt ngày 15/10/2018 âm lịch, giao ngày 25/10/2018 âm lịch, chết 01, sống 39 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng đến ngày 25/7/2020 âm lịch được 22 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 25/8/2020 âm lịch đến ngày 25/12/2021 âm lịch là 17 chung = 17.000.000 đồng.

Chung 2: Hốt ngày 15/11/2018 âm lịch, giao ngày 25/11/2018 âm lịch, chết 02 chung, sống 38 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng đến ngày 25/7/2020 âm lịch được 21 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 25/8/2020 âm lịch đến ngày 25/12/2021 âm lịch là 17 chung = 17.000.000 đồng.

Chung 3: Hốt ngày 15/01/2019 âm lịch, giao ngày 25/01/2019 âm lịch, chết 04 chung, sống 36 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng đến ngày 25/7/2020 âm lịch được 19 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 25/8/2020 âm lịch đến ngày 25/12/2021 âm lịch là 17 chung = 17.000.000 đồng.

Chung 4: Hốt ngày 15/02/2019 âm lịch, giao ngày 25/02/2019 âm lịch, chết 05 chung, sống 35 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng đến ngày 25/7/2020 âm lịch được 18 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 25/8/2020 âm lịch đến ngày 25/12/2021 âm lịch là 17 chung = 17.000.000 đồng.

Số tiền bà K, ông T thiếu ở dây 2 là $17.000.000 \text{ đồng} \times 4 = 68.000.000 \text{ đồng}$.

Dây 3: Mở ngày 30/01/2020 âm lịch, loại hụi 01 triệu, có 34 chung, ông T, bà K vô 04 chung, hụi này đến 30/10/2022 âm lịch mới mãn cụ thể:

Chung 01: Hốt ngày 30/01/2020 âm lịch, giao ngày 10/02/2020 âm lịch, chết 01 chung, sống 33 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng đến ngày 10/8/2020 âm lịch được 07 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 10/9/2020 âm lịch đến ngày 10/12/2021 âm lịch là 16 chung = 16.000.000 đồng.

Chung 02: Hốt ngày 30/3/2020 âm lịch, giao ngày 10/4/2020 âm lịch, chết 03 chung, sống 31 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng đến ngày 10/8/2020 âm lịch được 05 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 10/9/2020 âm lịch đến ngày 10/12/2021 âm lịch là 16 chung = 16.000.000 đồng.

Chung 3: Hốt ngày 30/5/2020 âm lịch, giao ngày 10/6/2020 âm lịch, chết 05 chung, sống 29 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì đóng đến ngày 10/8/2020 âm lịch được 03 kỳ, còn thiếu lại từ ngày 10/9/2020 âm lịch đến ngày 10/12/2021 âm lịch là 16 chung = 16.000.000 đồng.

Chung 4: Hốt ngày 20/8/2020 âm lịch, giao ngày 10/9/2020 âm lịch, chết 08 chung, sống 26 chung, bỏ bao nhiêu, chung bao nhiêu bà không nhớ nhưng có trừ tiền đầu thảo là 600.000 đồng, sau khi hốt thì không đóng hụi chết, còn thiếu lại từ ngày 10/9/2020 âm lịch đến ngày 10/12/2021 âm lịch là 16 chung = 16.000.000 đồng.

Số tiền bà K, ông T thiếu ở dây 3 là $16.000.000 \text{ đồng} \times 4 = 64.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bà K, ông T thiếu ở cả 03 dây là 168.000.000 đồng. Bà K đã trả 20/12/2020 = 2.000.000 đồng; 20/01/2021 = 2.000.000 đồng; 20/02/2021 = 2.000.000 đồng; 20/3/2021 = 2.000.000 đồng; 20/4/2021 = 2.000.000 đồng; 20/9/2021 = 2.000.000 đồng. Ngày 10/11/2021, cha chồng của bà K là ông Lê Văn K ở ấp Tân A, xã T, huyện Đ có trả cho bà K 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà K trả là 44.000.000 đồng, đối trừ số tiền còn thiếu lại là 124.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu bà K, ông T thanh toán số tiền trên cho bà.

Ngoài ra do dây 3 còn 10 tháng mới mãn, tổng số tiền là 04 chung x 10.000.000 đồng = 40.000.000 đồng, do khi khởi kiện hụi chưa khai nên bà chưa yêu cầu.

Đối với giấy ghi tên Trần Thúy Kiều, do bà K ghi nội dung (tên Trần Thúy Kiều do bà tự ghi) có chót nợ đến khi mãn hụi là 164.000.000 đồng gồm 124.000.000 đồng bà đang khởi kiện và 40.000.000 tiền hụi chết ở dây 3 ngày

30/01/2020 nêu trên.

Bị đơn bà Trần Thị K trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về việc vợ chồng bà có tham gia chơi hụi ở 03 dây hụi, loại hụi 01 triệu do bà H làm chủ hụi, mỗi dây ông bà tham gia 04 chung, thời gian mở các dây hụi, thời gian ông bà hốt hụi, số chung hụi ở các dây đúng như nguyên đơn trình bày. Quá trình hốt hụi và đóng hụi chết ông bà còn thiếu bà H ở các dây hụi trên tổng số tiền 124.000.000 đồng tính đến ngày 10/12/2021 âm lịch. Nay bà đồng ý cùng ông T thanh toán số nợ này cho bà H. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà yêu cầu được trả dần số nợ trên mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng, ông Lê Văn K ở ấp Tân A, xã T, huyện Đ là cha chồng của bà trả cho bà H, đây là số tiền ông K cho bà để trả nợ, trả vào ngày 10/12/2021 âm lịch.

Đối với giấy ghi tên Trần Thúy K, do bà ghi có nội dung chót nợ đến khi mãn hụi là 164.000.000 đồng gồm 124.000.000 đồng bà H đang khởi kiện và 40.000.000 tiền hụi chết ở dây 3 ngày 30/01/2020 chưa khai, đối với hụi chưa khai bà không đồng ý thanh toán (tên Trần Thúy K do bà H ghi).

Bà xác định từ trước đến nay bà tên Trần Thị K, không có tên Trần Thúy Kiều.

Đối với bị đơn ông Lê Hoàng T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, ông K nhưng ông T, ông K không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi là 124.000.000 đồng, không đồng ý yêu cầu trả dần của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị K có đơn xét xử vắng mặt, ông Lê Hoàng T, ông Lê Văn K đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu trả số tiền nợ 124.000.000 đồng, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án bà K thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi, hiện nay còn nợ số tiền hụi như nguyên đơn trình bày và đồng ý cùng ông T trả số nợ trên cho bà H. Đối với ông Lê Hoàng T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của bà K về việc được trả dần số nợ trên, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên là phù hợp, đúng quy định, do đó không chấp nhận yêu cầu được trả dần của bà K.

Đối với ông Lê Văn K, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông nhưng ông không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến số tiền 30.000.000 đồng đã trả cho bà H nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị K, ông Lê Hoàng T có trách nhiệm trả cho bà Lê Kim H số tiền là: 124.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà K, ông T phải chịu là: 6.200.000 đồng (124.000.000 đồng x 5%).

Bà Lê Kim Hiền không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim H. Buộc bà Trần Thị K và ông Lê Hoàng T phải trả cho bà Lê Kim H số tiền là: 124.000.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà K, ông T chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bà K, ông T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Kim H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà H 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011941 ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Bà Trần Thị K và ông Lê Hoàng T phải chịu 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

